

Số: 60 /BC-HĐQT

*Cà Mau, ngày 03 tháng 03 năm 2022*

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021**

Hội đồng Quản trị Công ty CP Thủy sản Cà Mau nhiệm kỳ 4, hiện tại có 07 thành viên và giữ chức vụ như sau:

1. Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương - Chủ tịch HĐQT.
2. Ông Nguyễn Văn Khánh - Phó Chủ tịch HĐQT.
3. Ông Bùi Nguyên Khánh - Ủy viên.
4. Ông Nguyễn Hồng Đức - Ủy viên.
5. Ông Bùi Thế Hùng - Ủy viên.
6. Ông Huỳnh Nhật Vũ - Ủy viên.
7. Ông Lê Thanh Phương - Ủy viên.

Như Báo cáo tổng kết của Ban TGD, môi trường kinh doanh trong năm 2021 thuận lợi và khó khăn luôn đan xen nhau: trong đó yếu tố tác động làm ảnh hưởng bao trùm là dịch bệnh Covid-19 – việc thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống dịch làm đứt gãy một phần và tác động mạnh đến chuỗi cung ứng, sản xuất, tiêu thụ ; nhiều khoản chi phí phát sinh và tăng cao, nhất là chi phí liên quan đến logistics, tổ chức sản xuất “3 tại chỗ” và xét nghiệm covid-19 định kỳ ; lao động bị thiết hụt nghiêm trọng trong mùa cao điểm buộc phải đàm phán giãn cách giao hàng, không dám ký kết đơn hàng mới, ảnh hưởng đến doanh thu và hiệu quả ; tại nhiều nước lượng người thất nghiệp, bị giảm thu nhập còn cao ảnh hưởng đến sức tiêu thụ ; công tác quản lý vẫn còn những bất cập, hạn chế,... tất cả ảnh hưởng trực tiếp – sâu sắc đến quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Là cơ quan quản lý, chỉ đạo mọi hoạt động SXKD của Công ty, Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông hoạt động quản trị trong năm qua như sau:

**1. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.**

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, HĐQT tập trung chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai toàn diện các giải pháp kết hợp giữa phòng, chống dịch và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã đề ra một cách quyết liệt, đồng bộ. HĐQT định hướng chiến lược về lao động, nguồn vốn, nguyên liệu, phân khúc thị

trường,... qua đó duy trì được hoạt động SXKD, tránh được đứt gãy trong những tháng cao điểm thực hiện giãn cách xã hội – giữ được lao động, giữ được khách hàng. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh đã làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD chung của Công ty, trong đó 8 tháng đầu năm việc tiêu thụ Surimi gặp rất nhiều khó khăn, do đó ngày 23/11/2021, Hội đồng quản trị họp quyết định điều chỉnh chỉ tiêu sản lượng chế biến Thủy sản năm 2021 và xin báo cáo với ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

Diễn giải	ĐVT	Chỉ tiêu năm 2021	
		Chỉ tiêu ĐHĐCĐ đề ra đầu năm	Chỉ tiêu HĐQT đề nghị điều chỉnh
- Sản lượng chế biến Thủy sản	Tấn	<b>6.000</b>	<b>5.600</b>
Trong đó:			
+ Xí nghiệp NF	Tấn	1.350	1.270
+ Xí nghiệp Đàm Dơi	Tấn	1.350	1.200
+ Xí nghiệp Sông Đốc	Tấn	3.300	3.130

- Qua số liệu báo cáo tổng kết của Ban Tổng Giám đốc cho thấy: dù năm 2021 hết sức khó khăn, nhưng hầu hết các chỉ tiêu đều được thực hiện đạt và vượt kế hoạch. Đặc biệt, chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đạt mức khá tốt. Năm 2021, dự tính tỉ lệ chia cổ tức cho cổ đông vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể: Đại hội đồng cổ đông đề ra đầu năm dự kiến là 20%, Hội đồng quản trị dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông mức chia cổ tức năm 2021 là 30%. Tình hình tài chính Công ty từng bước được cân đối vững mạnh – đây là cơ sở, là động lực để Công ty phấn đấu thực hiện hoàn thành tốt hơn kế hoạch những năm tiếp theo.

- Đối với việc giao dịch cổ phiếu Công ty trên sàn Upcom: Qua theo dõi, tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty trong năm 2021 độ thanh khoản thấp, mệnh giá cổ phiếu biến động mạnh theo từng thời điểm, nhất là khi công bố thông tin nhận cổ tức, biên độ giao động trong năm khoảng từ 15.000 đồng đến 28.500 đồng/CP.

## **2. Các kỳ họp của Hội đồng quản trị.**

Trong năm, Hội đồng quản trị tổ chức họp 03 lần:

- Cho ý kiến về chương trình nghị sự và thông qua các văn bản, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch quý I, 6 tháng và 10 tháng đầu năm 2021; theo dõi chỉ đạo việc chi trả cổ tức năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021; cho ý kiến chỉ đạo

tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động SXKD; thông qua báo cáo tổng kết năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022;

- Xem xét, ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc Công ty giao dịch, ký kết hợp đồng tín dụng với các ngân hàng trong nước;

- Thảo luận nhiều vấn đề quan trọng khác, qua đó thực hiện giám sát, kiểm tra, chỉ đạo và góp phần tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho Ban Tổng Giám đốc trong điều hành mọi hoạt động của Công ty, nhất là tập trung chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021.

### **3. Công tác Tổ chức – nhân sự.**

- Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều hành kiện toàn bộ máy tổ chức nhân sự, nhằm phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là nhân sự lãnh đạo của các phòng ban chuyên môn và các xí nghiệp trực thuộc Công ty.

Để thực hiện chính sách chung của Công ty là bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao có thời hạn, trong năm 2021, Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét, bổ nhiệm lại 19 cán bộ quản lý cấp cao là lãnh đạo các phòng ban chuyên môn, lãnh đạo các xí nghiệp, và bổ nhiệm mới 01 Phó Giám đốc xí nghiệp trực thuộc.

### **4. Về chia cổ tức năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022.**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 27/03/2021, quyết nghị mức chia cổ tức năm 2021 dự kiến là 20%.

Tuy nhiên, qua xem xét kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, ngày 23/11/2021 Hội đồng quản trị họp quyết định trình Đại hội đồng cổ đông tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021 là: 30%, phương án cụ thể như sau:

#### **4.1. Phương án chia cổ tức năm 2021.**

- Tên Chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
- Mã Chứng khoán: CAT
- Tổng số lượng cổ phiếu: 9.748.579 CP
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.145.727 CP
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 602.852 CP
- Tỷ lệ chi trả: **30%** (tương đương 3.000 đồng/CP)

Trong đó:

+ Đã chi tạm ứng vào thời điểm ngày 12/10/2021: **10%** (tương đương 1.000 đồng/CP)

+ Phải chi bổ sung cuối năm: **20%** (tương đương 2.000 đồng/CP)

- Tổng giá trị chi trả cổ tức dự kiến:  $9.145.727 \text{ CP} \times 3.000 \text{ đồng} = \mathbf{27.437.181.000 \text{ đồng}}$

- Nguồn chi trả: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021.

- Hình thức chi trả: Toàn bộ bằng tiền (hiện kim).

- Thời gian thực hiện chi trả: Sau khi có danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2021 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

- Đối tượng chi trả: Cổ đông hiện hữu theo danh sách nêu trên của VSD.

- Phương thức chi trả:

+ Đối với Chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với Chứng khoán chưa lưu ký:

\* Nhận bằng tiền mặt (*Hạn chế tối đa do dịch bệnh*): Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại Văn phòng Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, số 08 Cao Thắng, phường 8, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Tel: 290 – 383 1615 và xuất trình Giấy CMND/CCCD, Giấy chứng nhận cổ phần.

\* Nhận bằng chuyển khoản: Người sở hữu lập phiếu đề nghị chuyển khoản (theo mẫu công bố tại: [www.seaprimexco.com](http://www.seaprimexco.com) – mục quan hệ cổ đông), Chủ tài khoản phải là chính danh người sở hữu và kèm theo bản photocopy Giấy CMND/CCCD, Giấy chứng nhận cổ phần, gửi về Văn phòng Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, số 08 Cao Thắng, phường 8, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Tel: 290 – 3831615.

- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc: Quyết định các phương án chi tiết chi trả cổ tức.

#### **4.2. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022.**

Qua phân tích, đánh giá, nhận định tình hình và căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức chi trả cổ tức năm 2022: Dự kiến **20%** (Hai mươi phần trăm).



## **5. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.**

Căn cứ khoản 2 và 3, Điều 28 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông:

Tổng số tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT là: 444.000.000 đồng.

Trong đó:

- Tổng mức thù lao của 03 thành viên HĐQT trực tiếp tham gia quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát cùng Thư ký HĐQT là 252.000.000 đồng được hạch toán vào chi phí.

- Tổng mức thù lao của 04 thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia quản lý doanh nghiệp là 192.000.000 đồng được khấu trừ vào lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021.

\* Mức thù lao cụ thể cho từng thành viên:

- Hội đồng quản trị: 4.000.000đ/người/tháng

- Trưởng Ban kiểm soát: 3.000.000đ/tháng

- Kiểm soát viên và Thư ký HĐQT: 2.000.000đ/người/tháng

## **6. Về trích một phần lợi nhuận sau thuế lập quỹ khen thưởng.**

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2021. Sau khi xem xét nguồn quỹ khen thưởng của công ty, để tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc điều hành có nguồn chi trong những trường hợp cần thiết và khen thưởng cuối năm, HĐQT báo cáo xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông xem xét cho trích: **4,5%** từ lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2021 cho quỹ khen thưởng công ty và trích **1,5%** từ lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2021 cho quỹ khen thưởng của HĐQT.

## **7. Báo cáo nhiệm kỳ 2017–2022 & và dự kiến nhiệm kỳ 2022–2027 của HĐQT, BKS.**

- HĐQT và BKS đương nhiệm (nhiệm kỳ 4: 2017-2022) được bầu vào năm 2017 đến nay đã hết nhiệm kỳ 05 năm theo Điều lệ Công ty quy định. HĐQT đã họp xem xét, thống nhất định hướng về cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT và BKS Công ty nhiệm kỳ 5 (2022–2027) để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 xem xét, quyết định, cụ thể như sau:

\* **HĐQT:**

+ Số lượng thành viên HĐQT đương nhiệm là 07 người. Trong đó: có 03 thành viên trực tiếp điều hành gồm: ông Bùi Nguyên Khánh, ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương, ông Bùi

Thế Hùng, và 04 thành viên không trực tiếp điều hành gồm: ông Nguyễn Văn Khánh, ông Huỳnh Nhật Vũ, ông Nguyễn Hồng Đức và ông Lê Thanh Phương.

+ Dự kiến cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 5 (2022–2027): thống nhất lập hồ sơ trình ĐHĐCĐ xem xét, giữ nguyên cơ cấu, số lượng TV.HĐQT Công ty như nhiệm kỳ 4 hiện nay để tiến hành bầu theo quy định.

**\* BKS:**

+ Số lượng thành viên BKS đương nhiệm là 03 người gồm: ông Đặng Chiến Thắng, ông Nguyễn Viết Luận và ông Ngô Minh Chiến.

+ Dự kiến cơ cấu, số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 5 (2022–2027): thống nhất lập hồ sơ trình ĐHĐCĐ xem xét, giữ nguyên cơ cấu, số lượng TV.BKS Công ty như nhiệm kỳ 4 hiện nay để tiến hành bầu theo quy định.

**\* Những chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong nhiệm kỳ 2017–2022.**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 là Đại hội năm cuối của Hội đồng quản trị khóa 4, nhiệm kỳ 2017–2022. Hội đồng quản trị xin báo cáo tổng hợp những chỉ tiêu cơ bản đã thực hiện được trong nhiệm kỳ 05 năm qua như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 5 năm (2017–2021)
1	Tổng sản lượng thủy sản chế biến <i>Trong đó: mua nguyên liệu chế biến</i>	Tấn Tấn	30.206 27.315
2	Tổng sản lượng thủy sản tiêu thụ	Tấn	27.009
3	Tổng doanh thu	1.000đ	3.379.288.786
4	Kim ngạch xuất khẩu	USD	139.435.067
5	Khấu hao cơ bản	1.000đ	31.902.044
6	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.000đ	129.031.969
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.000đ	120.951.411

Trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty, xin trình trước đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



## **BÁO CÁO TÓM TẮT**

### **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022**

\*\*\*\*\*

## **PHẦN I**

### **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021**

-----

#### **I. TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2021:**

- Yếu tố tác động ảnh hưởng bao trùm đến môi trường hoạt động SXKD trong năm 2021 là dịch bệnh Covid-19: như thông tin chỉ trong 9 tháng đầu năm, cả nước có khoảng 90.300 doanh nghiệp phải ngưng ngời rời khỏi thị trường. Hàng loạt ngành kinh tế phải khốn đốn như vận chuyển, du lịch, lưu trú..., có những doanh nghiệp lớn lỗ lũy kế lên đến chục nghìn tỷ đồng. Ngành Thủy sản nói chung và con tôm nói riêng, vào mùa tiêu thụ cao điểm từ tháng 7 - 9/2021, công suất chế biến giảm đáng kể do giãn cách gây thiếu lao động, nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động. Riêng các Xí nghiệp trực thuộc Công ty phải duy trì sản xuất theo phương án “3 tại chỗ” – lao động giảm, công suất giảm, nhiều khoản chi phí phát sinh và tăng cao, phải đàm phán giãn cách lịch giao hàng, không dám ký kết đơn hàng mới... làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu và lợi nhuận;

- Việc DN Việt Nam không đáp ứng được đơn hàng, các nhà nhập khẩu dịch chuyển sang mua tôm của các đối thủ cạnh tranh lâu nay của Việt Nam như Ấn Độ, Ecuador.... Ecuador có lợi thế vị trí địa lý gần với Mỹ, vận chuyển dễ dàng và đang nỗ lực nâng cao trình độ chế biến, tập trung vào thị trường này. Ấn Độ cuối quý III/2021 tăng thả nuôi trở lại khi giá tôm nguyên liệu tăng và số ca nhiễm Covid có dấu hiệu giảm. Cả hai nguồn cung này đều có chiến lược bài bản để gia tăng thị phần tại thị trường Mỹ. Trong khi, Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức về logistics, giá thuê container tăng, thiếu container và thời gian vận chuyển dài hơn;

- Từ cuối tháng 11/2020, phí thuê container đi từ Việt Nam đã tăng đột biến. Ở một số cảng, giá tháng sau tăng gấp đôi so với tháng trước và từ 4 - 6 lần so với giá đầu năm 2020. Trong khi DN vẫn rất khó hoặc không thể đặt được container/chặng tàu cho nhiều chặng quan trọng, gây ra tình trạng khó khăn đột ngột, ứ ứ và chi phí đội lên rất cao cho

ngành XK thủy sản của Việt Nam. Có thể thấy giá vận chuyển container lạnh từ Việt Nam đi:

- \* Châu Âu tăng 150-250% so với cuối năm 2020

- \* Bắc Mỹ tăng 150-220% so với cuối năm 2020

- \* Đông Á tăng 30-100% so với cuối năm 2020

- \* ASEAN tăng 20- 60% so với cuối năm 2020

- Nguồn cung tôm, cá nguyên liệu không ổn định: những tháng thực hiện giãn cách phòng, chống dịch việc đi lại thu mua tôm ao gặp nhiều khó khăn – giá tôm nguyên liệu giảm mạnh, người sản xuất tôm không an tâm xuống giống thả nuôi do tâm lý e ngại khó tiêu thụ, làm cho nguồn cung những tháng cuối năm bị thiếu hụt; riêng cá nguyên liệu sản xuất surimi – lượng cung thường xuyên biến động do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thời tiết và ngư trường khai thác;

- Ngành thủy hải sản vốn rất khó tuyển nhân công bởi điều kiện làm việc đặc thù về độ ẩm, nhiệt độ, mùi... khiến Lao động thiếu gắn bó; việc thực hiện sản xuất “3 tại chỗ” của DN chưa được hướng dẫn kịp thời nên còn nhiều bất cập, là mô hình sản xuất chưa có tiền lệ, thời gian tập trung lại kéo dài, ảnh hưởng đến tâm sinh lý người lao động; việc tiêm vaccine phòng, chống Covid-19 cho người lao động trong DN vẫn chưa được quan tâm đúng mức – độ bao phủ chậm. Tất cả làm cho thách thức giữ chân và thu hút lao động vốn đã khó nay càng khó hơn;

- Nhiều đối thủ cạnh tranh mặt hàng tôm như: Ấn độ, Bangladesh, Indonesia, Thái Lan,... tiếp tục bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, nên nhu cầu của thị trường đã mang lại chút lợi thế cho các doanh nghiệp tôm Việt Nam. Nếu kiểm soát tốt dịch bệnh và không có đợt giãn cách kéo dài tại các tỉnh phía Nam, năm 2021 đã là năm thắng lợi của con tôm Việt Nam. Tuy nhiên, thị trường tiêu thụ Surimi còn gặp khó khăn, làm cho lượng hàng tồn kho tăng ⇒ chi phí tăng ảnh hưởng đến hiệu quả chung và mức độ hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, tình hình có được cải thiện tốt trong những tháng cuối năm;

- Từng bước khai thác và tận dụng tốt các lợi thế mà các Hiệp định FTA Việt Nam đã ký kết mang lại (CPTPP, EVFTA, VKFTA...) để mở rộng thị trường, đẩy mạnh tiêu thụ;

- Điều kiện sản xuất của nhà máy và vùng nuôi từng bước đạt được nhiều tiêu chuẩn Quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm và trách nhiệm xã hội – đáp ứng yêu cầu ngày một khắc khe hơn của khách hàng để mở rộng thị trường;

- Kinh tế nhiều nước chưa hồi phục, lượng người thất nghiệp và bị giảm thu nhập còn cao ảnh hưởng đến sức tiêu thụ;

- Quản lý sản xuất vẫn còn những bất cập, hạn chế, chưa bao quát, còn dễ xảy ra sai lỗi trong quá trình tổ chức sản xuất ; nhiều cán bộ quản lý còn thụ động trong xử lý công

việc, tiêu chí liên tục cải tiến chưa được các cấp quản lý quan tâm đúng mức và thúc đẩy thực hiện, cần được chấn chỉnh để góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả;

Với tình hình đó, kết quả thực hiện cụ thể như sau:

**1. Về sản xuất chế biến:**

SỐ TT	DIỄN GIẢI	ĐV TÍNH	KH 2021	THỰC HIỆN NĂM 2021	T.HIỆN SO KH	T.HIỆN SO 2020
<b>I</b>	<b>TOÀN CÔNG TY</b>					
1	Mua nguyên liệu	Tấn		9.561		106%
2	Mua nguyên liệu chế biến	Tấn	5.600	5.663	101,1%	103%
<b>II</b>	<b>XNCB MẶT HÀNG MỚI</b>					
1	Sản lượng tôm chế biến	Tấn	1.270	1.290	101,6%	100%
<b>III</b>	<b>XN.CBTS ĐÀM DƠI</b>					
1	Sản lượng tôm chế biến	Tấn	1.200	1.229	102,4%	97,4%
<b>IV</b>	<b>XN.CBTS SÔNG ĐỐC</b>					
1	Sản lượng surimi chế biến	Tấn	3.130	3.144	100,4%	106%

- Sản lượng chế biến 2021 toàn Công ty tăng nhẹ so năm 2020 và đạt 101,1% kế hoạch năm. Trong đó, Xí nghiệp Mặt hàng mới đạt 101,6%, Xí nghiệp Đàm Dơi đạt 102,4%, Xí nghiệp Sông Đốc đạt 100,4%.

**2. Về sản lượng tiêu thụ và doanh thu:**

SỐ TT	DIỄN GIẢI	ĐV TÍNH	KH 2021	THỰC HIỆN 2021	T.HIỆN SO KH (%)	T.HIỆN SO 2020 (%)
1	Sản lượng tiêu thụ hàng thủy sản	Tấn	6.392	6.176	96,6	119,6
2	Tổng doanh thu bằng	1000đ	775.500.000	821.128.882	105,9	109,0
3	Kim ngạch xuất khẩu	USD	32.000.000	34.242,183	107	110,2

**3. Lợi nhuận trước thuế:**

ĐVT: đồng

DIỄN GIẢI	KH 2021	THỰC HIỆN 2021	T.HIỆN SO KH (%)	T.HIỆN SO 2020 (%)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	30.000.000.000	30.187.640.790	100,6	60,2

#### **4. Đầu tư xây dựng cơ bản và máy móc thiết bị:**

##### **4.1. Các hạn mục đã hoàn thành: 13,394 tỷ đồng, trong đó:**

\* *Nâng cấp, đầu tư trang thiết bị tại Xí nghiệp chế biến Mặt hàng mới:* tổng mức vốn đầu tư 10,168 tỷ đồng.

\* *Nâng cấp, đầu tư trang thiết bị tại Xí nghiệp chế biến Thủy sản Sông Đốc:* tổng mức vốn đầu tư 2,412 tỷ đồng.

\* *Nâng cấp, đầu tư trang thiết bị tại Xí nghiệp chế biến Thủy sản Đầm Dơi:* tổng mức vốn đầu tư 814 triệu đồng.

##### **4.2. Các hạn mục còn dở dang: 2,416 tỷ đồng, trong đó:**

\* *Xí nghiệp chế biến Mặt hàng mới:* nâng nền phân xưởng 196 và lắp đặt hệ thống PCCC, với tổng mức vốn đầu tư khoảng 1,3 tỷ đồng.

\* *Xí nghiệp chế biến Thủy sản Sông Đốc:* dàn ngưng 650KW, bình chứa cao áp, cụm máy nén, với tổng mức vốn đầu tư khoảng 884 triệu đồng.

\* *Nâng cấp nhà xưởng Xí nghiệp chế biến Thủy sản Đầm Dơi:* với tổng mức vốn đầu tư khoảng: 232 triệu đồng.

#### **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

- Năm 2021, nhìn tổng quan các chỉ tiêu thực hiện đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Trong đó chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận thực hiện đạt mức đáng biểu dương.

- Do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng việc chưa khai thác, sử dụng hết công suất nhà xưởng, máy móc thiết bị của các xí nghiệp – sử dụng chưa hiệu quả nguồn lực đầu tư làm cho giá thành trên từng đơn vị sản phẩm tăng, giảm sức cạnh tranh, ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất và hiệu quả.

- Thị trường liên tục yêu cầu sản phẩm phải đáp ứng ngày càng cao các tiêu chuẩn, tiêu chí về An toàn vệ sinh thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, trách nhiệm xã hội, lao động, môi trường... và những rào cản kỹ thuật khác – doanh nghiệp phải tiêu tốn nhiều nguồn lực, đẩy giá thành tăng cao, đây là những thách thức lâu dài của các doanh nghiệp chế biến Thủy sản.

#### **Kết luận:**

Môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 là vô cùng khó khăn. Tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt mức 2,58% – thấp nhất trong nhiều năm qua, điều đó thể hiện tất cả. Nhưng với sự nỗ lực của toàn thể CB.CNV Công ty, và qua số liệu báo cáo cho thấy: Công ty đã thực hiện hoàn thành khá toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2021 mà ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra – đây là sự nỗ lực vượt bậc rất đáng trân trọng, là cơ sở vững chắc để phấn đấu thực hiện đạt được kết quả tốt hơn trong những năm tiếp theo.

## **PHẦN II**

### **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022**

\*\*\*\*\*

#### **I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH:**

##### **1. Thách thức:**

- Những khó khăn, thách thức và cơ hội trong năm 2021 nêu trên, nhất là tình hình kiểm soát dịch bệnh Covid-19 tiếp tục vẫn là những tác động mạnh mẽ đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2022;

- Những tác động bất lợi ngày một khắc nghiệt khó lường của thời tiết do biến đổi khí hậu, dịch bệnh, biến động ngư trường khai thác có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng nguồn cung tôm, cá nguyên liệu;

- Tại thị trường EU, Ecuador đang nổi lên là một đối thủ cạnh tranh với các nguồn cung tôm từ Châu Á, trong đó có Việt Nam. Ecuador có lợi thế giá tôm thấp và vận chuyển dễ dàng. Gần đây, Ecuador lên kế hoạch định vị sản phẩm tôm chất lượng cao, bền vững, các sản phẩm này đều được nuôi tại các trại nuôi được chứng nhận ASC để thâm nhập thị trường Châu Âu;

- Tình hình địa chính trị, xung đột thương mại Khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương luôn tiềm ẩn những rủi ro khó lường: Nước lớn cưỡng ép các Nước nhỏ và đe dọa sử dụng vũ lực; một số nước thành lập Liên minh quân sự mới làm gia tăng mâu thuẫn và rủi ro xung đột; việc Trung Quốc và Đài Loan cùng lúc xin gia nhập Hiệp định Thương mại CPTPP lại đặt ra những vấn đề mới tưởng chừng không liên quan, nhưng lại đặt một số nước vào thế khó – thế phải lựa chọn. Chỉ cần xung đột nhỏ xảy ra trong khu vực, có thể tác động mạnh mẽ đến môi trường thương mại quốc tế trong thời gian tới.

##### **2. Cơ hội:**

- Liên tục trong nhiều năm kinh doanh đạt hiệu quả tốt, tình hình tài chính Công ty từng bước được cân đối vững mạnh, là điều kiện rất thuận lợi để tiếp cận các nguồn vốn vay dễ dàng hơn với mức lãi suất thấp hơn => thu hút nguyên liệu tốt hơn, giúp kinh doanh mang lại hiệu quả cao hơn; dự báo năm 2022 lãi suất tín dụng vẫn giữ ổn định ở mức thấp để kích thích và khôi phục kinh tế. Đặc biệt, nếu gói kích thích kinh tế dự kiến khoảng 350 ngàn tỷ đồng sớm được kích hoạt để hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp – sẽ là đòn bẩy cho phát triển kinh tế nhanh hơn, mạnh hơn trong thời gian tới;

- Từng bước đầu tư nâng cấp, mở rộng và đạt được các tiêu chuẩn Quốc tế về điều kiện sản xuất của nhà máy và vùng nuôi, về trách nhiệm xã hội, đáp ứng yêu cầu ngày một khắc khe hơn của khách hàng để mở rộng thị trường;



- Độ bao phủ vaccin phòng, chống Covid-19 ngày càng được mở rộng, tình hình dịch bệnh sẽ được kiểm soát theo hướng linh hoạt hơn – các chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ hạn chế bị đứt gãy => hoạt động thương mại sẽ từng bước được phục hồi, trong đó có thương mại thủy sản.

## **II. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022.**

Trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021, từ dự báo tình hình và căn cứ vào năng lực sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

### **1. Sản xuất, chế biến hàng thủy sản.**

Đơn vị: tấn

ĐƠN VỊ	Xí nghiệp MHM			Xí nghiệp Đầm Dơi			Xí nghiệp Sông Đốc			Toàn Công ty		
	Thực hiện năm 2021	KH năm 2022	Tỉ lệ % 2022 so 2021	Thực hiện năm 2021	KH năm 2022	Tỉ lệ % 2022 so 2021	Thực hiện năm 2021	KH năm 2022	Tỉ lệ % 2022 so 2021	Thực hiện năm 2021	KH năm 2022	Tỉ lệ % 2022 so 2021
MẶT HÀNG												
- Tôm các loại	1.290	1.400	108	1.229	1.400	114				2.519	2.800	111
- Surimi							3.144	3.400	108	3.144	3.400	108
<b>Tổng cộng</b>										5.663	6.200	109

### **2. Sản lượng tiêu thụ, doanh thu, kim ngạch XK, lợi nhuận trước thuế.**

DIỄN GIẢI	ĐVT	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2022	TỈ LỆ % 2022/2021
- Sản lượng tiêu thụ thủy sản	Tấn	6.176	6.710	109
- Tổng doanh thu bằng	VND	821.128.882.854	828.000.000.000	101
- Kim ngạch xuất khẩu	USD	34.242.183	35.000.000	102
- Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	30.187.640.790	34.000.000.000	113

### **3. Kế hoạch đầu tư XD CB và máy móc thiết bị năm 2022.**

TT	Công trình/ hạng mục đầu tư	Kích thước cơ bản/ công suất	Khái toán (Triệu VNĐ)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công ty</b>		<b>27.000</b>	
1	Xây dựng nhà bao che và lắp đặt kho lạnh	1.200 tấn	21.000	

2	Xây dựng Trụ sở Văn phòng Công ty		6.000	
<b>II</b>	<b>Nâng cấp Xí nghiệp Đầm Dơi</b>		<b>1.600</b>	
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>28.600</b>	

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.**

Tiếp tục triển khai thực hiện toàn diện các giải pháp còn phù hợp với tình hình thực tiễn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022. Các cấp quản lý và toàn thể người lao động trong Công ty, dù ở bất cứ vị trí công tác nào, hãy thực hiện nhiệm vụ với **tinh thần trách nhiệm cao nhất**, cùng nhau đưa SEAPRIMEXCO ngày càng phát triển - thịnh vượng, với các giải pháp:

**\* Chiến lược phát triển bền vững:** phải tranh thủ tập trung nguồn lực sớm đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, điều kiện sản xuất gắn liền với *tự động hoá – số hóa* để thay thế dần và khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động ngày một gay gắt hơn ; nâng cao công suất kho lạnh để tự chủ trong lưu trữ hàng hóa – xem đây là hai khâu trọng yếu để tiết giảm chi phí và ứng phó tốt hơn trước những khó khăn trong thời gian tới, trước mắt là tình hình diễn biến phức tạp, kéo dài của Covid-19.

**\* Trong điều hành, xử lý công việc phải:** *Chủ động sáng tạo để liên tục cải tiến – Lắng nghe để thấu hiểu và chia sẻ – Cầu thị để không ngừng hoàn thiện – Cân trọng để hạn chế sai lỗi – Tạo sinh khí tích cực để thúc đẩy sự sáng tạo.*

**\* Về tài chính, thực hiện theo phương châm:** *Chính xác – Kịp thời – Tiết kiệm – Hiệu quả ; Sau nhiều năm ổn định, dự báo năm 2022 tỷ giá USD sẽ có biên độ giao động, vì thế phải chủ động, linh hoạt khai thác triệt để nguồn ngoại tệ để tăng hiệu quả.*

**\* Lĩnh vực kinh doanh, trong thời điểm khó khăn hiện nay phải tập trung thực hiện:** *Quyết liệt hơn nữa – Đột phá hơn nữa – Kịp thời hơn nữa – Linh hoạt hơn nữa và Hiệu quả hơn nữa.*

**\* Lĩnh vực quản lý sản xuất, tất cả phải vì:** *Năng suất – Chất lượng – Chủ động – Sáng tạo và Liên tục cải tiến.*

**\* Lĩnh vực chất lượng sản phẩm phải:** *Thực chất – An toàn – Ổn định – Khoa học – Đáp ứng yêu cầu khách hàng.*

**\* Về cơ sở vật chất, điều kiện sản xuất phải:** *Đảm bảo sẵn sàng – An toàn và Hợp lý.*

**\* Lĩnh vực Môi trường, tất cả vì:** *An toàn – Trách nhiệm với cộng đồng là trách nhiệm với chính doanh nghiệp.*

**\* Về Lao động thực hiện:** *Hướng dẫn tận tình – Chế độ đầy đủ – Xây dựng đoàn kết – Chia sẻ kinh nghiệm – Thúc đẩy sáng tạo.*

**\* Đối với Khách hàng và Cơ quan chức năng bên ngoài thực hiện phương châm:** *Chủ động tiếp cận – Thân thiện – HÀi lòng.*

### **KẾT LUẬN:**

Sự phát triển mạnh mẽ và bền vững của Công ty luôn song hành cùng **Sự đồng thuận** và ngay trong chính từng hành động – việc làm tích cực, cụ thể dù nhỏ nhất nhưng đầy trách nhiệm của từng cá nhân người lao động trong phạm vi toàn Công ty.

Trên tinh thần đó, Hội đồng quản trị, BTGD Công ty trân trọng kêu gọi toàn thể Quý vị cổ đông và CB.CNV Công ty hãy đoàn kết cộng đồng trách nhiệm hiến kế, hành động, cùng nhau thực hiện đạt và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Bùi Nguyên Khánh*



**BÁO CÁO**  
**Của Ban Kiểm soát năm 2021**

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông Công ty CP Thủy sản Cà Mau

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau ngày 27 tháng 03 năm 2021;
- Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ngày 27 tháng 03 năm 2021;
- Căn cứ báo cáo hoạt động SXKD và báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty lập;
- Căn cứ vào báo cáo kiểm toán năm 2021 được cung cấp bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam.

Ban kiểm soát tiến hành thẩm định các báo cáo, đánh giá việc quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty trong nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021, trình đến Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên, được tổ chức vào ngày 26/03/2022 tại hội trường Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (sau đây gọi là Công ty) với những nội dung sau:

- 1/- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021.
- 2/- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
- 3/- Nhận xét đánh giá việc quản lý điều hành của HĐQT và Ban TGD trong nhiệm vụ SXKD năm 2021.
- 4/- Kết luận và kiến nghị của Ban Kiểm soát trong công tác điều hành quản lý.

**PHẦN A**

**I/- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021:**

**1/- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:**

*Biểu số 1*

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2021	TỶ LỆ TH/ SO KH
A	<b><u>SẢN XUẤT</u></b>				
	Tổng sản lượng sản xuất	Tấn		6,471	
	Trong đó:				
	- Nguyên liệu tự mua SX	Tấn	5,600	5,663	101,10%
B	<b><u>KINH DOANH</u></b>				
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	6,392	6,176	96,60%
2	Doanh thu	Đồng	775,500,000,000	821,128,882,854	105,90%
	Trong đó: Kim ngạch XK	USD	32,000,000	34,242,183	107,00%
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	30,000,000,000	30,187,640,790	100,60%
4	Thu nhập BQ CNV/tháng	Đồng		7,402,000	
5	Khấu hao tài sản	Đồng		6,519,739,153	



Qua báo cáo số liệu của Công ty, chúng tôi nhận thấy các chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm 2021, Công ty điều hoàn thành vượt mức (Biểu số 1).

**2/- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 so với năm 2020 như sau:**

*Biểu số 2*

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2021	TĂNG - GIẢM	TỶ LỆ (%)
1	<b>D. thu bán hàng và dịch vụ</b>	<b>753,300,254,928</b>	<b>821,128,882,854</b>	<b>67,828,627,926</b>	<b>9,00</b>
2	Các khoản giảm trừ				
3	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>753,300,254,928</b>	<b>821,128,882,854</b>	<b>67,828,627,926</b>	<b>9,00</b>
4	Giá vốn hàng bán	652,472,828,791	730,304,054,227	77,831,225,436	11,93
5	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>100,827,426,137</b>	<b>90,824,828,627</b>	<b>(10,002,597,510)</b>	<b>(9,92)</b>
6	D, thu hoạt động tài chính	4,442,829,537	5,325,915,529	883,085,992	19,88
7	Chi phí tài chính	10,086,262,735	9,816,376,120	(269,886,615)	(2,68)
	Trong đó: chi phí lãi vay	9,199,432,814	7,863,812,776	(1,335,620,038)	(14,52)
8	Chi phí bán hàng	30,223,139,847	40,478,912,898	10,255,773,051	33,93
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15,825,546,560	16,033,015,435	207,468,875	1,31
10	<b>Lợi nhuận thuần từ HĐKD</b>	<b>49,135,306,532</b>	<b>29,822,439,703</b>	<b>(19,312,866,829)</b>	<b>(39,31)</b>
11	Thu nhập khác	1,939,916,727	737,086,560	(1,202,830,167)	(62,00)
12	Chi phí khác	914,245,618	371,885,473	(542,360,145)	(59,32)
13	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1,025,671,109</b>	<b>365,201,087</b>	<b>(660,470,022)</b>	<b>(64,39)</b>
14	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50,160,977,641</b>	<b>30,187,640,790</b>	<b>(19,973,336,851)</b>	<b>(39,82)</b>
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3,090,503,147	1,749,985,860	(1,340,517,287)	(43,38)
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30,556,513	(26,498,217)	(57,054,730)	(186,72)
16	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>47,039,917,981</b>	<b>28,464,155,147</b>	<b>(18,575,762,834)</b>	<b>(39,49)</b>
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5,145	3,097	(2,048)	(39,81)

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 so với năm 2020 (Biểu số 2):

- Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ tăng 67.828.627.926 đồng, tỷ lệ tăng 9,00%. Chủ yếu tăng do sản lượng tiêu thụ tăng hơn so với năm 2020 và Công ty bán hàng giá trị gia tăng.

- Chi phí bán hàng tăng 10.255.773.051 đồng, tỷ lệ tăng 33,93%. Chủ yếu tăng do chi phí vận chuyển bốc xếp, chi phí thuê kho bên ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 207.468.875 đồng, tỷ lệ tăng 1,31%. Chủ yếu tăng là chi phí vật dụng văn phòng và chi phí bằng tiền khác.

- Thu nhập khác giảm 1.202.830.167 đồng, tỷ lệ giảm 62,00%. Nguồn thu khác giảm do Công ty quản lý sử dụng tài sản, công cụ, dụng cụ, vật tư bao bì ít hư hao và các thu nhập khác ít phát sinh.

**2.1/- Chi tiết các khoản mục doanh thu năm 2021 so với năm 2020 như sau:**

*Biểu số 3*

TT	DOANH THU CHI TIẾT	NĂM 2020	NĂM 2021	TĂNG - GIẢM	TỶ LỆ (%)
A	Doanh thu bán hàng	<b>753,300,254,928</b>	<b>821,128,882,854</b>	<b>67,828,627,926</b>	<b>9,00</b>
1	Doanh thu XK trực tiếp	719,579,892,703	781,133,343,505	61,553,450,802	8,55
2	D, thu bán hàng nội địa	32,011,968,720	38,794,142,489	6,782,173,769	21,19
3	Doanh thu bán vật tư	1,708,393,505	1,201,396,860	(506,996,645)	(29,68)
4	Các khoản giảm trừ Hàng bán bị trả lại				
5	Doanh thu thuần	<b>753,300,254,928</b>	<b>821,128,882,854</b>	<b>67,828,627,926</b>	<b>9,00</b>
B	Doanh thu HĐ tài chính	<b>4,442,829,537</b>	<b>5,325,915,529</b>	<b>883,085,992</b>	<b>19,88</b>
1	Lãi tiền gửi	1,333,473,085	1,354,442,017	20,968,932	1,57
2	Lãi CL tỷ giá đã thực hiện	2,818,724,519	3,900,550,587	1,081,826,068	38,38
3	Lãi hợp tác xe tải lạnh	290,631,933	70,922,925	(219,709,008)	(75,60)
C	Thu nhập khác	<b>1,939,916,727</b>	<b>737,086,560</b>	<b>(1,202,830,167)</b>	<b>(62,00)</b>
1	T. nhập cho thuê, thu khác	1,939,916,727	737,086,560	(1,202,830,167)	(62,00)
	<b>TỔNG DOANH THU</b>	<b>759,683,001,192</b>	<b>827,191,884,943</b>	<b>67,508,883,751</b>	<b>8,89</b>

**2.2/- Chi tiết các khoản mục chi phí năm 2021 so với năm 2020 như sau:**

*Biểu số 4*

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	NĂM 2020	NĂM 2021	TĂNG - GIẢM	TỶ LỆ (%)
A	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>30,223,139,847</b>	<b>40,478,912,898</b>	<b>10,255,773,051</b>	<b>33,93</b>
1	Chi phí vật tư bao bì	173,546,038	208,393,209	34,847,171	20,08
2	Cước phí vận chuyển, bốc xếp	13,852,474,521	22,507,790,833	8,655,316,312	62,48
3	C,P hàng mẫu cho khách hàng	300,474,385	156,113,772	(144,360,613)	(47,38)
4	Chi phí ngân hàng	1,633,358,042	1,585,626,234	(47,731,808)	(2,92)
5	Chi phí xuất hàng	<b>1,403,183,470</b>	<b>1,757,215,413</b>	<b>354,031,943</b>	<b>25,23</b>
6	Phí hoa hồng	<b>1,130,109,614</b>	<b>913,395,438</b>	<b>(216,714,176)</b>	<b>(9,18)</b>
7	Chi phí xúc tiến th mại	<b>61,669,091</b>		<b>(61,669,091)</b>	<b>(100,00)</b>
8	Chi phí bằng tiền khác	11,668,324,686	13,348,377,999	1,680,053,313	14,40
	- Chi phí thuê kho	6,165,434,362	6,826,479,724	661,045,362	10,72
	- Chi phí khác	5,502,890,334	6,521,898,275	1,019,007,941	18,52
B	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>10,086,262,735</b>	<b>9,816,376,120</b>	<b>(269,886,615)</b>	<b>(2,68)</b>
1	Chi phí trả lãi tiền vay (*)	9,198,484,472	7,863,812,776	(1,334,671,696)	(14,51)
2	Chênh lệch tỷ giá	<b>887,778,263</b>	<b>1,952,563,344</b>	<b>1,064,785,081</b>	<b>119,94</b>
C	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>15,825,546,560</b>	<b>16,033,015,435</b>	<b>207,468,875</b>	<b>1,31</b>
1	Chi phí nhân viên quản lý	11,654,843,655	11,540,307,070	(114,536,585)	(0,98)
2	Chi phí vật dụng văn phòng	139,252,133	240,839,687	101,587,554	72,95



3	Khấu hao TS khối văn phòng	505,440,513	511,211,434	5,770,921	1,14
4	Thuế phí và lệ phí	348,188,746	390,628,427	42,439,681	12,19
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	838,000,331	611,748,193	(226,252,138)	(27,00)
6	Chi phí bằng tiền khác	2,339,821,182	2,738,280,624	398,459,442	17,03
D	<b>Chi phí khác</b>	<b>914,245,618</b>	<b>371,885,473</b>	<b>(542,360,145)</b>	<b>(59,32)</b>
1	Chi phí cho, chi phí khác	914,245,618	371,885,473	(542,360,145)	(59,32)
	<b>Tổng chi phí</b>	<b>57,049,194,760</b>	<b>66,700,189,926</b>	<b>9,650,995,166</b>	<b>16,92</b>

**Biểu số 3 và Biểu số 4** ghi chi tiết các khoản mục **doanh thu** và **chi phí** từ (Biểu số 2) để tham khảo thêm.

### 3/- So sánh tỷ lệ chi phí và doanh thu năm 2021 so với năm 2020.

Biểu số 5

TT	DANH MỤC	NĂM 2020			NĂM 2021			SO SÁNH (%)
1	Tỷ lệ chi phí quản lý	<u>15,825,546,560</u>			<u>16,033,015,435</u>			
		753,300,254,928	=	2,10%	821,128,882,854	=	1,95%	(0,15)
2	Tỷ lệ chi phí bán hàng	<u>30,223,139,847</u>			<u>40,478,912,898</u>			
		753,300,254,928	=	4,01%	821,128,882,854	=	4,93%	0,92
3	Tỷ lệ chi phí tài chính	<u>10,086,262,735</u>			<u>9,816,376,120</u>			
		753,300,254,928	=	1,34%	821,128,882,854	=	1,20%	(0,14)
4	Tỷ lệ chi phí giá vốn hàng bán	<u>652,472,828,791</u>			<u>730,304,054,227</u>			
		753,300,254,928	=	86,62%	821,128,882,854	=	88,94%	2,32
	<b>TỔNG</b>							1,11

Xem qua tỷ lệ giảm chi phí trong năm 2021 so với năm 2020 (Biểu số 5):

- Chi phí quản lý giảm tỷ lệ 0,15 %
- Chi phí bán hàng tăng tỷ lệ 0,92 %.
- Chi phí tài chính tỷ lệ giảm 0,14 %
- Chi phí giá vốn hàng bán tăng 2,32 %.

Nhìn chung chi phí năm 2021 tăng hơn so với năm 2020, tỷ lệ chi phí tăng so với năm 2020 là 1,11 %. Tỷ lệ phí giá vốn hàng bán, tỷ lệ phí bán hàng và tỷ lệ chi phí quản lý tăng (trong đó tỷ lệ chi phí giá vốn hàng bán tăng 2,32% mức tăng cao nhất so với 3 khoản mục chi phí, chủ yếu tăng do giá nguyên liệu tăng, nhân công tăng...); còn tỷ lệ chi phí tài chính giảm.

## II - KẾT QUẢ TÀI CHÍNH ĐẾN 31/12/2021.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021. Số liệu báo cáo tài chính năm 2021 do Công ty lập, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam đã phản ánh hợp lý, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT NĂM 2021.****a/- Tài sản:***Biểu số 6*

DANH MỤC	ĐV	SỐ DƯ ĐẦU NĂM		SỐ DƯ CUỐI NĂM		CHÊNH LỆCH	
		TRỊ GIÁ	%	TRỊ GIÁ	%	TĂNG GIẢM	%
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>325,312,263,029</b>	<b>100%</b>	<b>380,255,936,177</b>	<b>100%</b>	<b>54,943,673,148</b>	<b>16,89%</b>
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>Đ</b>	<b>257,710,228,424</b>	<b>79,22%</b>	<b>296,083,932,663</b>	<b>77,86%</b>	<b>38,373,704,239</b>	<b>14,89%</b>
I. Tiền & các kh tương đương	Đ	17,237,055,348	5,30%	48,674,098,110	12,80%	31,437,042,762	182,38%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Đ	25,782,540,278	7,93%	17,275,857,083	4,54%	(8,506,683,195)	(32,99%)
III. Các khoản phải thu Ngắn hạn	Đ	57,120,353,092	17,56%	86,020,852,840	22,62%	28,900,499,748	50,60%
IV. Hàng tồn kho	Đ	152,466,751,236	46,87%	139,407,508,194	36,66%	(13,059,243,042)	(8,57%)
V. Tài Sản ngắn hạn khác	Đ	5,103,528,470	1,57%	4,705,616,436	1,24%	(397,912,034)	(7,80%)
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>Đ</b>	<b>67,602,034,605</b>	<b>20,78%</b>	<b>84,172,003,514</b>	<b>22,14%</b>	<b>16,569,968,909</b>	<b>24,51%</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	Đ	1,284,500,000	0,39%	1,384,500,000	0,37%	100,000,000	7,79%
II. Tài sản cố định	Đ	58,715,314,872	18,05%	65,981,686,348	17,35%	7,266,371,476	12,38%
III. Tài Sản dở dang dài hạn	Đ	317,190,376	0,10%	5,477,051,111	1,44%	5,159,860,735	1,626,74%
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	Đ	4,000,000,000	1,23%	8,500,000,000	2,24%	4,500,000,000	112,50%
5. Tài sản dài hạn khác	Đ	3,285,029,357	1,01%	2,828,766,055	0,74%	(456,263,302)	(13,89%)

Đánh giá tình hình tài sản (Biểu số 6). Nhận thấy:

- Tài sản ngắn hạn tăng 14,89%. Trong đó chủ yếu tăng tiền và các khoản tương đương 182,38%; các khoản phải thu ngắn hạn tăng 50,60%. Các khoản đầu đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 32,99%; hàng tồn kho giảm 8,57%. Tài sản ngắn hạn khác giảm 7,80%.

- Tài sản dài hạn tăng tỷ lệ 24,51%. Trong đó chủ yếu tăng tài sản dở dang dài hạn 1,626,74%; tài sản cố định tỷ lệ 12,38%; Các khoản phải thu dài hạn tăng 7,79%; Đầu tư tài chính dài hạn 112,50%, Tài sản dài hạn khác (Chi phí trả trước dài hạn) giảm 13,89%.

**b/- Nguồn vốn:***Biểu số 7*

	ĐV	SỐ DƯ ĐẦU NĂM		SỐ DƯ CUỐI NĂM		CHÊNH LỆCH	
		TRỊ GIÁ	%	TRỊ GIÁ	%	TĂNG GIẢM	%
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>B. TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>325,312,263,029</b>	<b>100%</b>	<b>380,255,936,177</b>	<b>100%</b>	<b>54,943,673,148</b>	<b>16,89%</b>
<b>I. Nợ phải trả</b>		<b>189,320,428,004</b>	<b>58,2%</b>	<b>246,029,127,005</b>	<b>64,70%</b>	<b>56,708,699,001</b>	<b>29,95%</b>
<b>a) Nợ ngắn hạn</b>	<b>Đ</b>	<b>189,320,428,004</b>	<b>58,2%</b>	<b>246,029,127,005</b>	<b>64,70%</b>	<b>56,708,699,001</b>	<b>29,95%</b>

1. Vay và nợ thuê tài chính	Đ	154.064,050,077	47,36%	190,923,784,298	50,21%	36,859,734,221	23,92%
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	Đ	14,028,029,059	4,31%	16,610,162,032	4,44%	2,582,132,973	18,41%
3. Nợ phải trả người bán	Đ	15,692,662,748	4,82%	30,280,030,077	7,89%	14,587,367,329	92,96%
4. Quỹ khen thưởng, Phúc Lợi	Đ	452,685,094	0,14%	1,668,568,051	0,44%	1,215,882,957	268,59%
5. Phải trả khác	Đ	4,055,876,101	1,25%	4,925,655,535	1,29%	869,779,434	21,44%
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	Đ	1,027,124,925	0,32%	<b>1,620,927,012</b>	0,43%	593,802,087	57,81%
<b>b) Nợ dài hạn</b>	Đ						
<b>II. Vốn chủ sở hữu:</b>	<b>Đ</b>	<b>135,991,835,025</b>	<b>41,80%</b>	<b>134,226,809,172</b>	<b>35,3%</b>	(1,765,025,853)	(1,30)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	Đ	97,485,790,000	29,97%	97,485,790,000	25,64%	-	0,00%
2. Thặng dư vốn	Đ	4,569,156,929	1,40%	4,569,156,929	1,20%	-	0,00%
3. Cổ phiếu quỹ	Đ	(18,676,666,000)	(5,74%)	(18,676,666,000)	(4,91%)	-	0,00%
4. Lợi nhuận sau thuế chưa Ph phối	Đ	52,613,554,096	16,17%	50,848,528,243	13,37%	(1,765,025,853)	(3,35%)
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế kỳ trước	Đ	14,719,363,115	4,52%	31,530,100,096	8,29%	16,810,736,981	114,21%
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế kỳ này	Đ	37,894,190,981	11,65%	19,318,428,147	5,08%	(18,575,762,834)	(49,02)

Đánh giá tình hình nguồn vốn (Biểu số 7), nhận thấy:

- Nợ phải trả tăng 29,95%. Trong đó chủ yếu tăng khoản vay và nợ thuê tài chính, các khoản ngắn hạn khác.

- Vốn chủ sở hữu giảm 1,3%, do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm trong đó có lợi nhuận chưa phân phối lũy kế kỳ này.

Đánh giá chung:

Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cuối kỳ tăng so với đầu kỳ 16,89%, chủ yếu:

- Tiền và các khoản tương đương tăng
- Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn tăng.
- Tài sản cố định, tài sản dở dang và đầu tư tài chính dài hạn tăng.
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế kỳ trước tăng 114,21%.
- Các khoản đầu tư tài chính và tài sản khác giảm.
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế kỳ này giảm 49,02%.
- Hàng tồn kho giảm 8,57%.

Từ những yếu tố trên cho thấy tài sản ngắn hạn tăng có nghĩa là Công ty đang có mức trả nợ ngắn hạn cao, nhưng nợ phải trả ngắn hạn tăng cao hơn. Công ty cần cân trọng trong việc sử dụng vốn vay ngắn hạn mua sắm tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn. Hàng tồn kho giảm là tín hiệu tốt cho việc quay được vốn nhanh, nhưng giảm nhiều quá thì cũng không tốt vì lượng hàng trừ cho năm sao chưa đảm bảo cho kế hoạch sản xuất trong lúc trái vụ.



**c/- Các hệ số cơ bản:**

- Tỷ chủ tài chính:

Hệ số phản ánh mức độ phụ thuộc tài chính của doanh nghiệp,

1/-	Hệ số nợ	$\frac{246,029,127,005}{380,255,936,177} = 64,70\%$
2/-	Hệ số tự chủ tài chính	$\frac{134,226,809,172}{380,255,936,177} = 35,29\%$

Hệ số nợ chiếm 64,70 %, hệ số tự chủ tài chính 35,29 % trong tổng tài sản. Hai hệ số này cho thấy khả năng tài chính của công ty vẫn còn hạn chế, hệ số nợ tăng và hệ số tự chủ tài chính giảm. so năm 2020 thì hệ số nợ 58,20 %; hệ số tự chủ 36,57 %.

- Vòng quay số ngày hàng tồn kho bình quân:

Vòng quay hàng tồn kho B/Q	$\frac{730,304,054,227}{145,937,129,715} = 5,0$
Số ngày hàng tồn kho B/Q	$\frac{365}{5,00} = 73$

Số vòng quay bình quân 5,00 vòng, Như vậy bình quân trong 73 ngày là một vòng quay luân chuyển hàng hóa tồn kho. Vòng quay hàng tồn kho của Công ty tương đối tốt, tỷ số này cho thấy Công ty bán hàng rất ổn định, hàng tồn kho được giải phóng nhanh và ngay lập tức có hàng mới được nhập vào, để đảm bảo lượng hàng tồn kho theo kế hoạch sản xuất. Tuy nhiên Công ty cũng cần phải có kế hoạch cụ thể để trừ hàng cho phù hợp thời điểm thì Công ty sẽ chủ động hơn nguồn hàng để ký kết hợp đồng mới thu hút khách hàng, là cơ hội để Công ty gia tăng sản lượng, doanh thu và thị phần.

- Chỉ số khả năng thanh toán nợ:

Chỉ số khả năng TT hiện hành	$\frac{296,083,932,663}{246,029,129,005} = 1,20$
------------------------------	--

Chỉ số khả năng thanh toán hiện hành lớn hơn 1 (1,20 > 1), khả năng thanh toán nợ của công ty tương đối tốt.

- Số ngày phải thu bình quân:

Số vòng quay phải thu BQ	$\frac{821,128,882,854}{71,570,602,966} = 11,47$
Số ngày phải thu BQ	$\frac{365}{11,47} = 32$

Số vòng quay bình quân phải thu 11,47 vòng, số ngày phải thu bình quân là 32 ngày. Thời gian tiền về bình quân là tương đối chậm chưa đạt tới kỳ vọng mà Công ty mong muốn, chỉ số này cho thấy khả năng thu hồi nợ Công ty còn mức trung bình thấp so với năm 2020 là 25 ngày.

**d/- Cơ cấu vốn chủ sở hữu và việc chi trả cổ tức:**

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau là công ty đại chúng, đến thời điểm này có 216 cổ đông, danh sách cổ đông đã được lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Tổng cổ phiếu đã phát hành 9.748.579 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/Cp. Cơ cấu cổ đông như sau :

+ Cổ đông trong nước : 9.723.974 Cp. Tỷ lệ 99,75%.

Trong đó :

- Cổ đông cá nhân 7.901.722 Tỷ lệ 81,06%

- Cổ đông tổ chức 1.822.252 Tỷ lệ 18,69%

- Cổ phiếu Quý 602.852 Tỷ lệ 6,18%

+ Cổ đông nước ngoài : 24.605 Cp. Tỷ lệ 0,25%.

Theo kế hoạch năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông chi cổ tức là: 20%, xét thấy tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty các chỉ tiêu đều đạt và vượt. Ngày 23 tháng 11 năm 2021, HĐQT Công ty họp thống nhất đề nghị mức chi trả cổ tức năm 2021 là 30%, tương đương 3.000 đồng/CP. Trong đó ngày 12/10/2021 Công ty đã tạm ứng trước 10%. (tương đương 1.000 đồng/CP). Phải chi bổ sung cuối năm là 20% (tương đương 2.000 đồng/CP).

Qua phân tích, đánh giá, nhận định tình hình và căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty năm 2022. Công ty dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông tỷ lệ cổ tức cho năm 2022 là 20% (Hai mươi phần trăm).

### **III – NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT, TGD.**

#### **a/- Hoạt động của Hội đồng quản trị.**

Trong năm 2021 HĐQT đã có 03 cuộc họp liên quan đến những vấn đề như sau:

- Cho ý kiến về chương trình nghị sự và thông qua các văn bản, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Hợp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch quý I, 06 tháng và 10 tháng đầu năm 2021; theo dõi chỉ đạo việc chi trả cổ tức năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021; cho ý kiến chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho Ban Tổng Giám đốc Công ty trong quá trình điều hành hoạt động SXKD, thông qua báo cáo tổng kết năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022;

- Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy sản Cà Mau họp thống nhất ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc Công ty giao dịch, ký kết hợp đồng tín dụng với các ngân hàng trong nước.

Hợp thảo luận nhiều vấn đề quan trọng khác, nhằm chỉ đạo kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho Ban Tổng Giám đốc trong điều hành mọi hoạt động của Công ty, nhất là tập trung chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 trong điều kiện dịch bệnh kéo dài làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD chung của Công ty, do đó ngày 23/11/2021. Hội đồng quản trị họp quyết định điều chỉnh chỉ tiêu sản lượng chế biến thủy sản năm 2021 như sau:

DIỄN GIẢI	ĐVT	KH ĐẦU NĂM	KH ĐƯỢC Đ/ CHỈNH
- Sản lượng CB thủy sản		6,000	5,600
Trong đó:			
+ Xí nghiệp NF		1.350	1.270
+ Xí nghiệp Đầm dơi		1.350	1.200
+ Xí nghiệp Sông Đốc		3.300	3.130

#### **b/- Hoạt động quản lý điều hành của Tổng Giám đốc.**



Kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2021 như đã báo cáo nêu trên, phần lớn tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm Công ty đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức KH đề ra..

#### **Đối với người lao động.**

- Các chế độ, quyền lợi của CBCNV được thực hiện theo đúng luật lao động, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Việc chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ đúng quy định. Thu nhập bình quân của công nhân là: 7.402.000 đ/người/tháng.

- Các chính sách chế độ thi đua khen thưởng luôn được duy trì, Phúc lợi tập thể được chú trọng như cấp nhà ở tập thể cho cán bộ công nhân viên, tổ chức nhà giữ trẻ phục vụ cho công nhân có con nhỏ... Cùng với tổ chức Công đoàn chăm lo tốt đời sống CBCNV, bố trí bếp ăn tập thể tại các nhà máy. Thường xuyên tổ chức cho cán bộ, công nhân đi tham quan học hỏi rút kinh nghiệm ở các đơn vị có điều kiện tốt hơn...

#### **Công tác kế toán.**

- Số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành tại thời điểm 31/12/2021.

#### **Thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp:**

##### **+ Những dự án đầu tư, nâng cấp, sửa chữa trong năm 2021 đã hoàn thành:**

XN Mặt Hàng Mới:

Nâng cấp, mở rộng, sửa chữa phân xưởng 118, lắp mới kho lạnh 200 tấn, đầu tư mua mới máy móc thiết bị với mức vốn đầu tư là: 10.168.000.000 đồng.

XN Sông Đốc:

Nâng cấp, sửa chữa, nền xưởng, máy móc thiết bị; mở rộng khu dây chuyền sản xuất surimi; lắp mới hệ thống kho lạnh 200 tấn.. với tổng mức vốn đầu tư là: 2.412.000.000 đồng.

XN Đầm Dơi:

Đầu tư mua mới máy móc thiết bị với tổng mức vốn là: 814.000.000 đồng.

**Cộng 13.394.000.000 đồng**

##### **+ Những dự án đầu tư, nâng cấp, sửa chữa trong năm 2021 còn dở dang:**

XN Mặt Hàng Mới: Nâng nền xưởng 196 với mức vốn đầu tư: 1.300.000.000 đồng.

XN Sông Đốc: Lắp đặt máy móc thiết bị với mức vốn đầu tư: 884.000.000 đồng.

XN Đầm Dơi: Đóng lại trần khu sơ chế với mức vốn đầu tư: 232.000.000 đồng.

**Cộng 2.416.000.000 đồng.**

#### **Thực hiện chế độ kiểm toán:**

Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam là đơn vị kiểm toán đã được Bộ Tài chính công nhận.

#### **IV- KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.**

Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh Công Ty trong năm 2021 hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra. Chỉ tiêu sản lượng chỉ đạt 101,10%, chỉ tiêu lợi nhuận công ty lãi 30.187.640.790 đồng, đạt 100,60% KH năm. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh covid-19 kéo dài làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty, trong đó 8 tháng đầu năm việc tiêu thụ Surimi gặp nhiều khó khăn, việc sản xuất tôm thì thiếu hụt lực lượng lao động, do đó ngày

23/11/2021, Hội đồng quản trị họp quyết định điều chỉnh chỉ tiêu sản lượng chế biến thủy sản năm 2021 từ 6.000 tấn xuống còn 5.600 tấn. Trong đó giảm surimi: 170 tấn; giảm chỉ tiêu sản lượng tôm 230 tấn.

Nhìn tổng quan các chỉ tiêu thực hiện trong năm 2021 tương đối ổn định. Tất cả các chỉ tiêu đều đạt và vượt.. Tuy nhiên Các bộ và đơn vị trực thuộc công ty cần phải duy trì

+ Bộ phận Marketing cần duy trì phát huy tốt khách hàng hiện có và tăng cường mở rộng thị trường tìm kiếm thêm khách hàng mới để đáp ứng nhu cầu sản xuất.

+ Công tác quản lý sản xuất phải luôn đảm bảo duy trì thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định, quy chế, kiểm soát định mức, chất lượng trong quá trình sản xuất, việc bố trí phân công lao động hợp lý phù hợp từng thời điểm, tăng năng suất lao động, tăng sản lượng. Khai thác, sử dụng hết công suất nhà xưởng, máy móc thiết bị hiện có để giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm.

+ Có chính sách hợp lý để thu hút thêm lao động tại các nhà máy của Công và duy trì tốt lực lượng lao động hiện có của các trạm trực thuộc Công ty để đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất.

+ Cần duy trì tốt nguồn vốn hoạt động kinh doanh.

## **PHẦN B**

### **HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT.**

#### **Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.**

##### **- Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát.**

Ban KS gồm có 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên tham gia hoạt động trong công ty, và 01 thành viên bên ngoài tham gia vào Ban kiểm soát..

##### **- Chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.**

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp quy định và điều lệ của Công ty. Ban kiểm soát thẩm định các báo cáo hàng năm:

- 1- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty năm 2021.
- 2- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán trình đại hội.
- 3- Nhận xét đánh giá việc quản lý điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021.
- 4- Kiến nghị, kết luận của BKS trong công tác quản lý điều hành của Công ty năm 2021.

Trong năm các thành viên Ban kiểm soát liên hệ nhau qua cổng thông tin trao đổi các vấn đề liên quan đến Công ty để đi đến thống nhất. Ban kiểm soát đã đến trực tiếp xuống các cơ sở, đơn vị trực thuộc để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất để phản ánh kịp thời cho Công ty.

5- Giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với Công ty: Trong năm 2021 Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc quản trị điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

#### **Kế hoạch của Ban kiểm soát năm 2022.**

- Kiểm tra các hoạt động Công ty về việc chấp hành và tuân thủ pháp luật trong kinh doanh.



- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội cổ đông thông qua Đại hội trong năm 2022.

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ công ty và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

- Thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm trình Đại hội cổ đông thường niên.

- Ban kiểm soát tiến hành xem xét các tài liệu, công việc quản lý điều hành của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hay theo yêu cầu của nhóm cổ đông tại khoản 2, 3, Điều 115 Luật doanh nghiệp năm 2020.

- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế, quy định của HĐQT, Ban TGD và Ban quản lý điều hành.

- Giám sát tình hình đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.

- Góp ý cho công tác quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở trực thuộc công ty.

- Ban kiểm soát thường xuyên liên lạc và trao đổi ý kiến qua công thông tin, hoặc họp bất thường khi có yêu cầu cần thiết.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã thẩm định các báo cáo của Công ty năm 2021 và đưa ra kế hoạch hoạt động năm 2022 trình trước Đại hội đồng cổ đông.

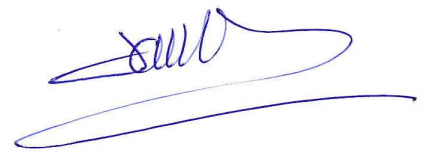
Thay mặt Ban kiểm soát xin kính chúc quý Cổ đông và gia đình lời chúc mạnh khỏe, chúc Công ty luôn luôn phát triển. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

**T/M BAN KIỂM SOÁT**

**Nơi nhận:**

- Trình ĐHCĐ;
- HĐQT Công ty;
- Ban TGD;
- Lưu BKS.



**Đặng Chiến Thắng**